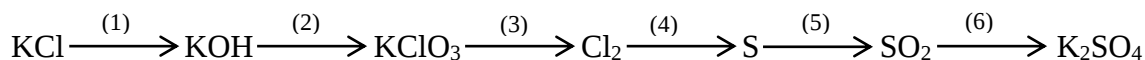


ĐỀ CHÍNH THỨC

(Đề gồm 02 trang)

Câu I. (2,0 điểm)

- Tổng số hạt cơ bản trong nguyên tử M là 82, trong đó số hạt mang điện nhiều hơn số hạt không mang điện là 22. Hãy cho biết số lượng mỗi loại hạt tạo nên nguyên tử M.
- Viết các phương trình hóa học hoàn thành sơ đồ sau (mỗi mũi tên ứng với một phương trình hóa học; ghi rõ điều kiện phản ứng nếu có):

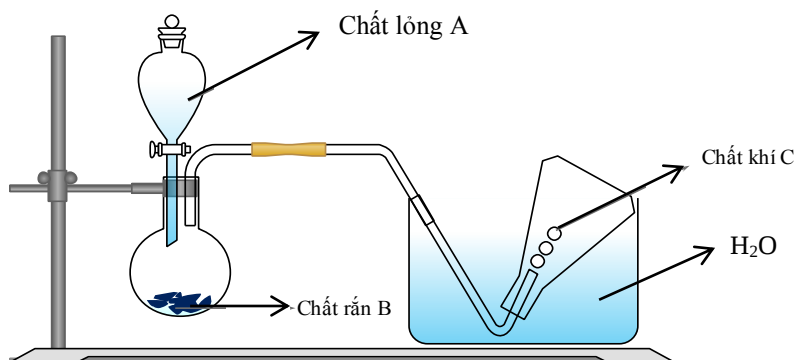


Câu II. (3,5 điểm)

- Cho biết hiện tượng xảy ra và viết phương trình phản ứng khi thực hiện các thí nghiệm sau:
 - Cho một mẫu Na vào dung dịch CuSO_4 .
 - Cho một mẫu than vào dung dịch H_2SO_4 đặc, đun nóng.
 - Sục từ từ đến dư khí SO_2 vào dung dịch Br_2 .
 - Cho dung dịch AlCl_3 vào dung dịch Na_2S .
- Không dùng thêm thuốc thử, hãy trình bày cách phân biệt 5 dung dịch sau: NaCl , NaOH , NaHSO_4 , Ba(OH)_2 , Na_2CO_3 .

Câu III. (2,5 điểm)

- Trong phòng thí nghiệm lắp đặt bộ dụng cụ điều chế khí như hình vẽ dưới đây:



Bộ dụng cụ trên có thể dùng để điều chế khí nào trong các khí sau: HCl , O_2 , CO_2 , H_2 ? Vì sao? Với mỗi khí C thỏa mãn hãy chọn cặp chất A, B phù hợp và viết phương trình phản ứng xảy ra.

- Bằng phương pháp hóa học, hãy tách SO_2 ra khỏi hỗn hợp gồm: SO_2 , SO_3 , O_2 .

Câu IV. (2,0 điểm)

Đốt cháy hoàn toàn 0,72 gam cacbon trong oxi ở nhiệt độ thích hợp, phản ứng kết thúc, thu được hỗn hợp X (gồm hai khí), tỷ khối của X so với H_2 bằng 20,50. Cho từ từ đến hết lượng khí X trên lội vào 100 ml dung dịch hỗn hợp gồm NaOH 0,90M và BaCl_2 0,40M, thu được kết tủa. Hãy vẽ đồ thị biểu diễn sự phụ thuộc của khối lượng kết tủa theo số mol CO_2 có trong X.

Câu V. (4,5 điểm)

- Hòa tan hoàn toàn 9,96 gam hỗn hợp X gồm Al, Fe bằng dung dịch chứa 1,175 mol HCl , thu được dung dịch Y. Thêm dung dịch chứa 1,2 mol NaOH vào dung dịch Y, phản ứng hoàn toàn, lọc kết tủa, nung trong không khí đến khối lượng không đổi, thu được 13,65 gam chất rắn. Viết phương trình phản ứng và tính số mol của Al, Fe trong hỗn hợp X.

2. Cho 3,64 gam hỗn hợp R gồm một oxit, một hiđroxit và một muối cacbonat trung hòa của một kim loại M có hóa trị II tác dụng vừa đủ với 117,6 gam dung dịch H_2SO_4 10%. Sau phản ứng, thu được 0,448 lít khí (đktc) và dung dịch muối duy nhất có nồng độ 10,867% (khối lượng riêng là 1,093 gam/ml); nồng độ mol là 0,545M.

- Viết các phương trình phản ứng xảy ra và xác định kim loại M.
- Tính phần trăm khối lượng của các chất có trong hỗn hợp R.

Câu VI. (3,0 điểm)

1. Cho hỗn hợp A gồm Al và Fe_3O_4 . Nung hỗn hợp A trong điều kiện không có không khí cho phản ứng nhiệt nhôm xảy ra hoàn toàn thu được hỗn hợp B. Trộn đều hỗn hợp B rồi chia làm 2 phần:

- Phần 1 cho tác dụng với dung dịch NaOH dư thu được dung dịch X, thoát ra 8,064 lít khí (đktc) và còn lại 60,48 gam chất rắn không tan.

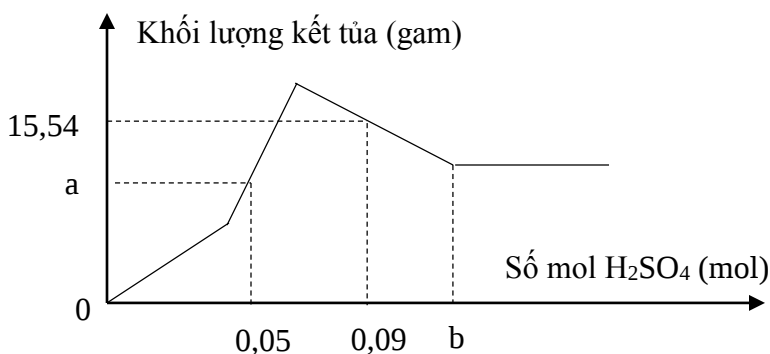
- Phần 2 cho tác dụng với dung dịch HCl dư thấy thoát ra 8,064 lít khí (đktc).

Tính khối lượng hỗn hợp A.

2. Hỗn hợp X gồm 2 gam MnO_2 , 8,41 gam hỗn hợp KCl và KClO_3 . Nung X ở nhiệt độ cao thu được chất rắn Y và khí Z. Cho hết lượng Y vào dung dịch AgNO_3 dư, thu được 16,35 gam chất rắn. Cho toàn bộ lượng khí Z sục vào dung dịch chứa 0,13 mol FeSO_4 và 0,06 mol H_2SO_4 thu được dung dịch T. Cho dung dịch $\text{Ba}(\text{OH})_2$ dư vào dung dịch T, thu được a gam kết tủa. Biết các phản ứng xảy ra hoàn toàn. Tính a.

Câu VII. (2,5 điểm)

Cho từ từ dung dịch H_2SO_4 vào dung dịch chứa $\text{Ba}(\text{AlO}_2)_2$ 0,1M và $\text{Ba}(\text{OH})_2$ 0,2M. Khối lượng kết tủa (gam) phụ thuộc vào số mol H_2SO_4 theo đồ thị sau:



- Viết các phương trình phản ứng xảy ra.
- Tính a, b.

----- **HẾT** -----

(Cho biết: H = 1; C = 12; N = 14; O = 16; Na = 23; Mg = 24; Al = 27; S = 32; Cl = 35,5; K = 39; Ca = 40; Mn = 55; Fe = 56; Cu = 64; Zn = 65; Br = 80; Ag = 108; Ba = 137)

Lưu ý: Thí sinh **không** được sử dụng bảng Hệ thống tuần hoàn các nguyên tố hóa học.

Họ và tên thí sinh:; SBD:.....; Phòng thi:

Chữ ký giám thị 1:; Chữ ký giám thị 2: